TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/07/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lãnh Văn Việt.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị **Trương Thị T** - sinh năm 1995.*

- Hộ khẩu thường trú: Thôn H - Xã T - Huyện LN - Bắc Giang.

- Địa chỉ: Thôn Thích - Xã Phú Nhuận - Huyện Lục Ngạn - Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh **Lê Văn C** - Sinh năm 1987.*

- Hộ khẩu thường trú: Thôn H - Xã T - Huyện LN - Bắc Giang.

Chị T có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/04/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị T, lời khai của bị đơn anh Lê Văn C và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Trương Thị T và anh Lê Văn C kết hôn vào tháng 11 năm 2014. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị T anh C có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị T anh C về chung sống cùng nhau ngay ở tại thôn H - Xã T - Huyện LN - Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị T cho rằng hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn là phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, có nhiều bất đồng quan điểm sống không có Tg nói chung, anh C chơi bời không chịu làm ăn. Anh C cho rằng giữ anh và chị T không hề có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên từ tháng 01/2015 chị T bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Th, xã P, huyện LN, Bắc Giang sinh sống, anh và chị T sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hề liên lạc để níu kéo nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Anh C xác định tình cảm với chị T vẫn còn chị T xin ly hôn anh chưa đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T anh C có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim T - Sinh ngày 18/01/2015. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh C nhận nuôi con chung, chị T đồng ý để anh C nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh C đều xác nhận không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C và giải quyết việc nuôi con chung. Anh C vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong lời khai của mình anh không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu vợ chồng ly hôn anh nhận nuôi con chung là cháu Lê Thị Kim T, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị T đồng ý để anh C nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Văn C.

Giao cho anh Lê Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lê Thị Kim T - Sinh ngày 18/01/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Lê Văn C. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 227 xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T anh C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2014 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh Ch. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị T kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh C. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong lời khai của mình anh không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T, anh C có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh C mâu thuẫn là có thật đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Chị T anh C có 01 con chung là: Cháu Lê Thị Kim T - Sinh ngày 18/01/2015. Vợ chồng ly hôn anh C có nguyện vọng nuôi cháu Tuyến, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị T đồng ý để anh C nuôi dưỡng cháu Tuyến. Do vậy cần giao cháu Tuyến cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Giao cho anh Lê Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Thị Kim T - Sinh ngày 18/01/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị Trương Thị T được quyền đi lại thăm nuôi con chung là cháu Lê Thị Kim T không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003346 ngày 02/5/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí án.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Sạch đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện LN;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Việt Hùng